

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 379/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 23A/2020/TB-TA ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng S, sinh năm 1977, nơi cư trú: số 274, tổ 10, ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1978, nơi cư trú: số 274, tổ 10, ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (ông S có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng S trình bày:

Về hôn nhân: Ông S cho rằng, năm 2011 ông và bà Nguyễn Thị H ly hôn theo Quyết định công nhân thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2011/QĐST – HNGĐ ngày 18/5/2011 của Tòa án nhân dân thành phố

Châu Đốc). Năm 2012 ông kết hôn với bà Hồ Thị C tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc. Vợ chồng chung sống được 01 năm thì bà C lại chung sống với người đàn ông khác. Năm 2013 ông S và bà C không sống chung cho đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc và lấy lời khai bà Hồ Thị Thủy.

- Xác minh tại ban khóm được biết, bị đơn bà Hồ Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc. Ông S, bà C có đăng ký kết hôn nhưng đã ly thân khoảng 02 năm nay, hiện nay bà C đi làm ăn ít khi về địa phương.

- Bà Hồ Thị T cho biết, bà là chị ruột của bà Hồ Thị C, bà C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương (ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc). Bà C đi làm tại Bình Dương và lập gia đình ở đó. Bà C có về nhà cúng đám giỗ cha mẹ vì bà T là người thờ cúng cha mẹ. Bà không sử dụng điện thoại nên không liên lạc với bà C, bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án khi bà T về bà cam kết sẽ giao lại.

Đồng thời, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông S, bà C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia

đình. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình thế nhưng ông S và bà C đã ly thân từ năm 2013 đến nay cho thấy hôn nhân giữa ông S và bà C thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng S có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Hồ Thị C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, Ông Nguyễn Đăng S và bà Hồ Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 07/6/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông S và bà C đã không còn sống chung với nhau từ năm 2013 đến nay. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông S, bà C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng S.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng S được ly hôn bà Hồ Thị C.

[2] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đăng S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003435 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông S đã nộp đủ án phí.

Bà Hồ Thị C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 07/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà